

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28.6.2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Hồng Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Ngọc Chính**.

2. Ông **La Minh Công**.

- **Thư ký phiên toà:** Bà **Đỗ Thị Thúy Hoài** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà:** Bà **Cao Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Quỳnh D**, sinh năm: 1961. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

* **Bị đơn:** Ông **Cao S**, sinh năm: 1964. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã W, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Quỳnh D trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S chung sống với nhau vào ngày 06/12/1986 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung: Cao Duy L, sinh năm 1989 và Cao Duy A, sinh năm 1995. Sau khi sinh cháu A thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và ông S bỏ về W sinh sống và xuất gia đi tu từ đó đến nay. Nay bà

Nguyễn Thị Quỳnh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hơn nữa ông S cũng đã xuất gia đi tu từ năm 1995 đến nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao S.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S có với nhau 02 con chung: Cao Duy L, sinh năm 1989 và Cao Duy A, sinh năm 1995 hiện các con đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Quỳnh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2024, bị đơn – Ông Cao S trình bày:

Ông Cao S thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Quỳnh D chung sống với nhau từ ngày 06/12/1986 nhưng không có đăng ký kết hôn vì do không hiểu biết pháp luật.

Quá trình chung sống, hai người hạnh phúc được một thời gian và có với nhau 02 con chung như bà D trình bày đến năm năm 1996 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung vợ chồng nên đã quyết định ly thân và hai người đã không còn sống chung từ năm 1996 đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Quỳnh D, ông S đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D yêu cầu ly hôn, ông Cao S đồng ý và yêu cầu được xét xử vắng mặt. Xem xét tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Quỳnh D.

Về con chung: hiện các con đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quỳnh D được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Cao S. Người bị kiện là ông Cao S có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh D và bị đơn ông Cao S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh D và bị đơn ông Cao S là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S trình bày và xác nhận ông bà chung sống với nhau vào ngày 06/12/1986 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*; tuy nhiên tại điểm a, mục 3 nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: *“a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.”* Tại mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: *“... trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”*.

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có với nhau 02 người con chung, đã thực sự xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xem xét tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa bà D và ông S đã xảy ra mặc dù ông bà đã tìm nhiều cách hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và thực tế hiện nay, ông bà đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Quá trình giải quyết, ông Cao S đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa ông Cao S đề nghị xét xử vắng mặt, bà D có ý kiến vẫn kiên quyết ly hôn, chứng tỏ ông bà không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Quỳnh D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D và ông Cao S có với nhau 02 con chung: Cao Duy L, sinh năm 1989 và Cao Duy A, sinh năm 1995 hiện các con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị Quỳnh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 269 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;
- Mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;
- Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Quỳnh D.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh D được ly hôn với ông Cao S.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Quỳnh D được miễn nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND H;
- THADS H;
- UBND thị trấn Y, HTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hồng Thanh

